TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liệu.

2. Ông Hoàng Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 672/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 13, ấp 1, xã TS, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 7, đường 24, phường BHH, quận Bình Tân, T phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh **Hồ Quốc T2**, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 13, ấp 1, xã TS, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Tổ 3, ấp 2, xã TS, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T và anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2020; bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T2 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 229 ngày 16/9/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T2 có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, chị đã nhiều lần tha thứ Nng anh T2 vẫn không thay đổi, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau. Chị và anh T2 đã nhiều lần tự hòa giải với nhau Nng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy tình cảm gia đình không thuận hòa, không thể hàn được vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Chị và anh T2 có 02 con chung tên là Hồ Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/11/2011 và Hồ Thị Quỳnh T, sinh ngày 10/4/2014. Chị đồng ý giao 02 con chung cho anh T2 nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/02/2020, bị đơn là anh Hồ Quốc T2 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 229 ngày 16/9/2011. Vợ chồng chung sống đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau, bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cái, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng, tình cảm gia đình ngày càng lạnh nhạt và khó có thể hàn gắn. Nay anh cảm thấy tình cảm đã hết, sống với nhau không hòa hợp, bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên là Hồ Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/11/2011 và Hồ Thị Quỳnh T, sinh ngày 10/4/2014. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T.

- Về con chung: Giao các cháu Hồ Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/11/2011 và Hồ Thị Quỳnh T, sinh ngày 10/4/2014 cho anh T2 nuôi dưỡng, tạm thời chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh T2 không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Hồ Quốc T2 hiện cư trú tại xã TS, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh T2, yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Kim T là nguyên đơn; anh Hồ Quốc T2 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tống đạt: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ sao gửi tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có

đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh T2 và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Chị T yêu cầu được ly hôn với anh T2 do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống. Anh T2 thống nhất với những mâu thuẫn do chị T trình bày và đồng ý ly hôn với yêu cầu của chị T. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị T, anh T2 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không T thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[6] Về con chung: Chị T và anh T2 có hai con chung tên là Hồ Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/11/2011 và Hồ Thị Quỳnh T, sinh ngày 10/4/2014. Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện trong thời gian chị T và anh T2 không còn chung sống với nhau, cháu N và cháu T do anh T2 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, hiện nay hai cháu đang phát triển bình thường, khỏe mạnh, được đi học đầy đủ. Đồng thời cháu N và cháu T đều có nguyện vọng được chung sống với anh T2. Xét thấy việc giao cháu N và cháu T cho anh T2 nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định về các tâm sinh lý cũng N sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa T niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu N và cháu T cho anh T2 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T2 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm thời chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Hồ Quốc T2.

2. Về con chung: Giao các cháu Hồ Thị Quỳnh N, sinh ngày 11/11/2011 và Hồ Thị Quỳnh T, sinh ngày 10/4/2014 cho anh Hồ Quốc T2 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: anh T2 không yêu cầu, nên tạm thời chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con…)

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng chị T đã nộp (biên lai số 0002817 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán) được cấn trừ qua án phí. Chị T đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Thái